

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 1

Họ và tên: Lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép tính $14 + 3$ là:

- A. 15 B. 16 C. 17 D. 18

Câu 2. Số thích hợp điền vào ô trống $10 + \square = 15$ là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 3. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

- A. $12 + 4$ B. $11 + 7$ C. $15 + 1$ D. $13 + 3$

Câu 4. Điền số vào chỗ trống: $14 + \dots = 19$

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 3

Câu 5. Trong các số: 17, 14, 19, 11. Số lớn nhất là:

- A. 17 B. 14 C. 19 D. 11

Câu 6. $12 + 5 \dots 18$. Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

- A. $>$ B. $<$ C. $=$ D. $+$

Câu 7. Một túi có 11 viên bi, thêm vào 6 viên bi. Có tất cả số bi là:

- A. 16 B. 17 C. 18 D. 15

Câu 8. Kết quả của phép tính $10 + 2 + 3$ là:

- A. 14 B. 15 C. 16 D. 12

Câu 9. Phép tính nào có kết quả bằng với $13 + 4$?

- A. $10 + 7$ B. $14 + 2$ C. $11 + 5$ D. $12 + 4$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

$$13 + 3 = \dots$$

$$10 + 9 = \dots$$

$$12 + 4 = \dots$$

$$15 + 3 = \dots$$

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống:

$$11 + \square = 13$$

$$14 + \square = 18$$

$$10 + \square = 15$$

$$12 + \square = 17$$

Bài 3. Điền dấu (>, <, =):

$14 + 2 \dots\dots 17$

$11 + 5 \dots\dots 16$

$13 + 4 \dots\dots 15$

$10 + 8 \dots\dots 19$

Bài 4. Tính dãy tính sau:

$10 + 2 + 4 = \dots\dots\dots$

$11 + 3 + 5 = \dots\dots\dots$

Bài 5. Quan sát hình vẽ và viết phép tính:

$$\square + \square = \square$$

Bài 6. Nối phép tính có cùng kết quả:

$11 + 7$

$12 + 3$

$15 + 4$

$10 + 5$

$14 + 5$

$13 + 5$

Bài 7. Sắp xếp kết quả các phép tính từ bé đến lớn: (14+1; 12+5; 10+3; 11+8)

Đáp án:

Bài 8. Giải toán: Nhà Mai có 13 con gà, mẹ mua thêm 6 con gà nữa. Hỏi nhà Mai có tất cả bao nhiêu con gà?

Phép tính:

Trả lời: Có tất cả con gà.

Bài 9. Viết phép tính thích hợp với tranh:

$$\square + \square = \square$$

Bài 10. Khoanh vào phép tính có kết quả lớn nhất:

$$(11 + 4) \quad (15 + 2) \quad (10 + 8) \quad (12 + 6)$$